



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

LỊCH SỬ

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

10

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



QUY ƯỚC VIẾT TẮT TRONG SÁCH

- CBQLGD: cán bộ quản lý giáo dục
- CNTT: công nghệ thông tin
- CTGDPT: Chương trình Giáo dục phổ thông
- ĐGĐK: đánh giá định kì
- ĐGTX: đánh giá thường xuyên
- GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo
- GV: giáo viên
- HS: học sinh
- NXB GDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- SGK: sách giáo khoa
- SGV: sách giáo viên
- THPT: Trung học phổ thông



MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG 4

I. Giới thiệu sách giáo khoa Lịch sử 10	4
1.1. Cơ sở biên soạn sách.....	4
1.2. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Lịch sử 10	4
II. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	5
2.1. Cấu trúc sách	5
2.2. Cấu trúc bài học	6
III. Những điểm mới của sách giáo khoa Lịch sử 10	9
IV. Một số phương pháp dạy học Lịch sử nhằm phát triển năng lực học sinh.....	11
V. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	16
5.1. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, học sinh.....	16
5.2. Một số hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực.....	18
VI. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23
6.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	23
6.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học	

PHẦN HAI. GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC BÀI HỌC 28

I. Hướng dẫn chung	28
II. Hướng dẫn dạy học bài học cụ thể	28

PHẦN BA. CÁC NỘI DUNG KHÁC 37

I. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách Chuyên đề học tập Lịch sử 10.....	37
1.1. Cấu trúc sách	37
1.2. Hướng dẫn sử dụng sách.....	37
1.3. Gợi ý kế hoạch dạy học	38
II. Hướng dẫn và sử dụng sách giáo viên	39
2.1. Cấu trúc	39
2.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả	39
III. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo	39
3.1. Cấu trúc sách bổ trợ, sách tham khảo	39
3.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo hỗ trợ trong dạy học	39

I GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ 10

1.1. Cơ sở biên soạn sách

- Dựa trên cơ sở thực tế quá trình thực nghiệm CTGDPT môn Lịch sử và thực nghiệm một số bài biên soạn thử ở nhiều trường THPT trên các vùng, miền khác nhau; đồng thời, lắng nghe ý kiến của HS, phụ huynh và các chuyên gia đối với giáo dục lịch sử hiện nay.
- Kết thừa các SGK và học liệu phục vụ giáo dục lịch sử trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam từ trước đến năm 2020.
- Tham khảo SGK và học liệu môn Lịch sử trong nhà trường phổ thông của nhiều nước, như: Mỹ, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và một số nước Đông Nam Á khác.

1.2. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Lịch sử 10

- Việc biên soạn SGK Lịch sử 10 nhằm thực hiện cụ thể hóa những nội dung và yêu cầu cần đạt của CTGDPT môn Lịch sử cấp THPT nói chung và Chương trình Lịch sử lớp 10 nói riêng, trong đó có yêu cầu quan trọng đối với việc hình thành, phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực khoa học với biểu hiện đặc thù là năng lực lịch sử, tạo tiền đề để HS có định hướng về nghề nghiệp, học nghề hoặc tham gia lao động, trở thành những công dân có ích.
- SGK *Lịch sử 10* được biên soạn tuân thủ các quan điểm chung về biên soạn SGK, đồng thời cũng đảm bảo những yêu cầu đặc thù riêng, đó là:
- Góp phần phát triển năng lực của HS: Bao gồm nhóm *các năng lực chung*, như: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo và nhóm *các năng lực đặc thù của môn Lịch sử*: năng lực tìm hiểu lịch sử; năng lực nhận thức và tư duy lịch sử; năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.
- Góp phần giáo dục các phẩm chất cho HS: Với lợi thế của môn học, SGK *Lịch sử 10* tập trung góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, khách quan, trung thực, trách nhiệm, cẩn.cù.
- Quán triệt các quan điểm của CTGDPT môn Lịch sử. Đó là các quan điểm: khoa học, hiện đại; hệ thống, cơ bản; thực hành, thực tiễn; dân tộc, nhân văn; mở, liên thông; phù hợp với đặc điểm tâm lí và năng lực của HS Việt Nam hiện nay.

- Tuân thủ yêu cầu cần đạt và cấu trúc nội dung quy định trong môn Lịch sử.
- Hỗ trợ GV đổi mới hiệu quả phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.
- Hỗ trợ HS đổi mới hiệu quả nhận thức về môn học, định hướng tốt hơn về nghề nghiệp có liên quan đến lịch sử, đam mê và biết cách học tập, tìm hiểu lịch sử suốt đời. Đó cũng chính là bám sát thông điệp của bộ sách “Kết nối tri thức lịch sử với cuộc sống”.

II CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

SGK *Lịch sử 10* được biên soạn trên cơ sở CTGDPT môn Lịch sử cấp THPT năm 2018. Do đó, cấu trúc cuốn sách về cơ bản tuân thủ theo cấu trúc nội dung do Chương trình quy định và có nhiều đổi mới so với SGK hiện hành.

2.1. Cấu trúc sách

Cuốn SGK *Lịch sử 10* gồm 7 chủ đề với 14 bài học (phân phối trong 70 tiết học), được tiến hành trong 35 tuần lẽ của năm học. Cụ thể như sau:

Chủ đề 1: Lịch sử và Sử học

- Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử
- Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống

Chủ đề 2: Vai trò của Sử học

- Bài 3. Sử học với các lĩnh vực khoa học
- Bài 4. Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại

Chủ đề 3: Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại

- Bài 5. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ – trung đại
- Bài 6. Một số nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại

Chủ đề 4: Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới

- Bài 7. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Bài 8. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

Chủ đề 5: Văn minh Đông Nam Á

- Bài 9. Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại
- Bài 10. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại

Chủ đề 6: Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)

- Bài 11. Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam
- Bài 12. Văn minh Đại Việt

Chủ đề 7: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Bài 13. Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Bài 14. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

Ngoài ra, trong sách còn có các phần khác như: mục lục, hướng dẫn sử dụng sách, bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ, bảng phiên âm.

2.1. Cấu trúc bài học

SGK *Lịch sử 10* gồm 7 chủ đề. Mỗi chủ đề được thiết kế thành 2 bài học. Mỗi bài được thực hiện trong 3 – 6 tiết học, sẽ giải quyết một vấn đề của chủ đề.

- Cấu trúc mỗi bài học mới được thiết kế thống nhất, với hệ thống các kiến thức, kĩ năng bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học, là định hướng về kiến thức và kĩ năng, năng lực để GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS thông qua hệ thống các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp.
- Kết cấu trong mỗi bài học gồm:

- + *Mục tiêu*: nhằm định hướng đưa ra về kiến thức, kĩ năng mà HS cần đạt được sau khi học xong bài đó. Ví dụ:

Học xong bài này, em sẽ:

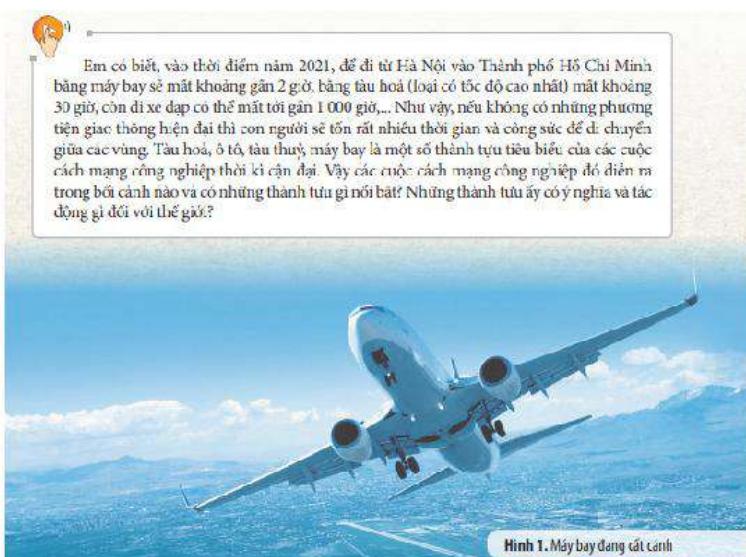
- Trình bày được khái niệm lịch sử, Sử học.
- Nêu được chức năng, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu, một số nguyên tắc, phương pháp cơ bản của Sử học.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.
- Vận dụng được một số phương pháp cơ bản của Sử học khi sưu tầm, xử lý thông tin sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

- + *Hoạt động mở đầu*: Đây là hoạt động trước khi bắt đầu tìm hiểu kiến thức mới, nhằm xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập HS cần giải quyết, kết nối với những điều HS đã biết, nêu vấn đề kích thích sự chú ý và tạo sự hứng thú nhận thức cho HS.

Tuy nhiên, nội dung cụ thể của hoạt động mở đầu trong SGK chỉ là gợi ý, GV có thể sáng tạo nhiều hình thức khác, giúp hoạt động này đa dạng và thú vị hơn.



Em có biết, vào thời điểm năm 2021, để đi từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh bằng máy bay sẽ mất khoảng gần 2 giờ, bằng tàu hỏa (loại có tốc độ cao nhất) mất khoảng 30 giờ; còn đi xe đạp có thể mất tới gần 1 000 giờ,... Như vậy, nếu không có những phương tiện giao thông hiện đại thì con người sẽ tốn rất nhiều thời gian và công sức để di chuyển giữa các vùng. Tàu hỏa, ô tô, tàu thủy, máy bay là một số thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại. Vậy các cuộc cách mạng công nghiệp đó diễn ra trong bối cảnh nào và có những thành tựu gì nổi bật? Những thành tựu ấy có ý nghĩa và tác động gì đối với thế giới?



Hình 1. Máy bay đang cất cánh

+ **Hoạt động hình thành kiến thức mới:**

Phần này bao gồm nhiều mục nhỏ, được phân chia thành hai phần: nội dung chính và nội dung bổ trợ, mở rộng.

- Nội dung chính: là những nội dung cơ bản, trọng tâm của bài học, bao gồm kênh chữ (thông tin bài học, tư liệu), kênh hình (tranh ảnh, lược đồ, sơ đồ,...) và hệ thống câu hỏi hoặc bài tập, là chất liệu để tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

1. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á

Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á gắn liền với các thời kì lịch sử của khu vực.



Giai đoạn văn minh Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng (từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX)

Gắn với quá trình suy yếu của các vương triều phong kiến và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây

Từ đầu giai đoạn này, nhất là từ cuối thế kỷ XVIII, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây đã dẫn tới sự suy sụp của các vương quốc trong khu vực. Đây cũng là thời kì văn minh Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng, chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật,...



Giai đoạn phát triển rực rỡ (từ thế kỷ VII đến cuối thế kỷ XV)

Gắn với sự hình thành và phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến

Cùng với sự phát triển thịnh đạt về kinh tế, chính trị, các quốc gia phong kiến Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển rực rỡ về văn hoá trên cơ sở tiếp thu và chọn lọc những tinh hoa của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.



Giai đoạn hình thành và bước đầu phát triển (từ những thế kỷ trước và đầu Công nguyên đến thế kỷ VII)

Gắn với sự hình thành và phát triển của các quốc gia đầu tiên

Trong thời kì này, các quốc gia đã xuất hiện ở Đông Nam Á như Văn Lang - Âu Lạc, Phù Nam, các quốc gia ở hạ lưu sông Chao Phraya,.. Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa đối với khu vực Đông Nam Á đã thể hiện rõ nét.



Hình 2. Sơ đồ quá trình hình thành và phát triển của văn minh Đông Nam Á



Nêu những nét chính trong các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á.

Trong SGK *Lịch sử 10*, bên cạnh những đoạn nội dung có tính giới thiệu, dẫn dắt, khái quát còn có những tư liệu (hình ảnh hoặc chữ viết dạng tư liệu gốc hoặc tư liệu phái sinh, hoặc được cung cấp bởi chính tác giả viết SGK), kèm theo đó là các yêu cầu, câu hỏi khai thác tư liệu. Đây là một điểm mới nổi bật của cuốn sách, là cơ sở để tổ chức các hoạt động tự nhận thức nội dung cốt lõi của bài học cho HS, giúp hình thành năng lực cốt lõi của môn học (năng lực tìm hiểu lịch sử).

TƯ LIỆU 3. **Sự hình thành và phát triển của văn minh Đông Nam Á trước hết có nguồn gốc tại chỗ, do cư dân ở đây sáng tạo ra. Tổ chức xã hội cơ bản của Đông Nam Á cổ đại là làng. Khi mới xuất hiện, làng là đơn vị cư trú của những người đồng tộc, khép kín, tách biệt, tự cung tự cấp và mang tính phòng thủ. Từ làng đã hình thành nên các vương quốc.**

(Theo Nguyễn Tấn Đắc, *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 333)

TƯ LIỆU 4. Khi người Ấn Độ đến khu vực này, "... đã thấy trước mắt họ không phải là những người man di, không hề có một thứ văn hoá nào, mà trái lại đó là những người đã ở trình độ văn minh nhất định và không phải là không có những nét chung với họ".

(Theo G. Xô-dét, *Cổ sự các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 48)

- Nội dung bổ trợ, mở rộng bao gồm: *Em có biết?*, *Kết nối với địa lí/văn học/nghệ thuật/ngày nay,...* Đây là những nội dung kiến thức mở rộng, nâng cao, hoặc có tính tích hợp, liên môn với kiến thức các môn học khác nhằm làm rõ hơn nội dung chính,...

EM CÓ BIẾT?

Từ năm 1921, trong các cuộc khai quật khảo cổ học ở lưu vực sông Ấn, hơn 3 000 con dấu có khắc kí tự và hình vẽ đã được phát hiện. Những con dấu này được cho là dùng để đóng lên các kiện hàng nhằm xác nhận xuất xứ của những hàng hoá đó.

KẾT NỐI VỚI VĂN HỌC

Truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* có nội dung giải thích về nguồn gốc, tổ tiên của các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam (cùng chung một cha mẹ, chung một giống nòi), là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh lịch sử.

+ Hoạt động luyện tập và vận dụng:

Cuối các mục và cuối mỗi bài là hệ thống các câu hỏi nhằm hình thành kiến thức và kĩ năng mới, cũng như luyện tập – vận dụng những kiến thức và kĩ năng vừa được hình thành, theo các mức độ nhận thức từ dễ đến khó: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Các dạng câu hỏi, bài tập này được đặt ở cuối mục, hoặc cuối mỗi bài tương ứng. Đây là chất liệu để GV tổ chức hoạt động để củng cố, phát triển kiến thức, kĩ năng đã được hình thành cho HS.



LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG



1. Hãy trình bày một số thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại trên trục thời gian.
2. Lựa chọn và giới thiệu về một thành tựu mà em cho là tiêu biểu nhất.
3. Có ý kiến cho rằng: Một số thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại cũng đưa đến tác động tiêu cực, thậm chí là gây ra các thảm họa cho nhân loại. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?



Thường ngày, em sử dụng những thiết bị nào dùng đến nguồn điện? Hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ của em về già thiết: Nếu các nhà khoa học, kỹ thuật chưa phát minh ra điện và các thiết bị tiêu thụ điện năng thì cuộc sống chúng ta sẽ ra sao?

III NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ 10

- Trong chương trình giáo dục hiện hành, ở cấp THPT, HS vẫn được học theo thông sử (lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại đến hiện đại). Với CTGDPT 2018, lần đầu tiên ở bậc THPT, HS được tiếp cận với cuốn SGK viết theo chủ đề, mỗi chủ đề là một vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HS đã được học ở cấp THCS. Mỗi chủ đề lại được phân thành các bài học để giải quyết một hoặc hai khía cạnh nội dung của chủ đề.
- Cuốn sách đặc biệt chú trọng đến việc phát triển năng lực của HS thông qua việc đưa ra câu hỏi, bài tập dẫn dắt, gợi ý HS tự tìm hiểu, nghiên cứu và tìm ra kiến thức mới trong nội dung của bài học.
- Chú trọng tích hợp trong nội môn và tích hợp liên môn. Việc tích hợp nội dung kiến thức, phương pháp với các môn học, lĩnh vực khác: Địa lí, Văn học, Toán học, Mĩ thuật, Công nghệ,... thể hiện ngay trong nội dung của từng bài học.
- Với các câu hỏi, bài tập vận dụng trong nội dung bài học và cuối mỗi bài học, cuốn sách giúp HS có thể kết nối những nội dung lịch sử vừa được học, được tìm hiểu với cuộc sống, để giải quyết những tình huống thực tế trong cuộc sống. Khi đó, mỗi bài học, mỗi kiến thức lịch sử vừa được linh hoạt thực sự trở nên sống động, gần gũi và có ý nghĩa thực tiễn hơn.
- Nội dung lịch sử trong mỗi bài học không chỉ được trình bày bằng những đoạn chữ viết mà còn được thể hiện bằng kênh hình sinh động, hấp dẫn, gồm: lược đồ, sơ đồ,

bảng thống kê, hình ảnh,... Kênh chữ và kênh hình được thiết kế một cách hài hoà, cân đối; kênh hình không chỉ là minh họa mà chính là nội dung. Kênh hình được lựa chọn một cách cẩn trọng để vừa đảm bảo tiêu chí về tính giáo dục, tính thẩm mĩ, tính nhân văn, giúp cho HS quan sát và khai thác thông tin một cách dễ dàng. HS không chỉ đọc, tiếp nhận một cách thụ động những kiến thức được đưa ra mà có thể tự mình làm việc với các tư liệu để rút ra những kiến thức mới xoay quanh nội dung của bài học. Điều đó không chỉ giúp HS phát triển tất cả các kĩ năng (quan sát, tính toán, đặt giả thiết, suy luận,...) mà cũng tạo điều kiện cho GV có thể áp dụng rất nhiều phương pháp dạy học tích cực trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài học. Ngoài nội dung chính được thiết kế ở tuyến chính, tuyến phụ (*Em có biết?, Kết nối,...*) được thiết kế bên lề ngoài của trang sách, là những kiến thức mở rộng để HS tìm hiểu sâu thêm về nội dung lịch sử được trình bày trong tuyến chính hoặc gợi mở để HS tiếp tục tìm hiểu.

- Nội dung và hình thức của sách chú trọng đến khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS lớp 10. Các câu hỏi, tình huống đưa ra trong mỗi bài học có tính mở, kích thích sự tò mò, mong muốn tự tìm hiểu, tự khám phá lịch sử của HS. Một số bài tập ở mức độ vận dụng tạo điều kiện cho HS có thể phát triển những năng lực đã được hình thành ở cấp THCS, thể hiện được quan điểm, chính kiến và hiểu biết của cá nhân đối với các vấn đề lịch sử và tình huống đặt ra trong thực tế liên quan đến nội dung của bài học.
- Nội dung của cuốn sách được biên soạn cũng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV có thể dễ dàng hướng dẫn HS học tập và HS có thể tự học, tự tìm hiểu. Hệ thống câu hỏi, bài tập được đưa ra trong cuốn sách giúp cho GV và HS có thể áp dụng rất đa dạng phương pháp, hình thức dạy và học: làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, nhóm/tổ.
- Việc phân chia các chủ đề thành các bài cũng cho phép GV có thể dễ dàng tham khảo để xây dựng kế hoạch dạy học một cách chủ động, linh hoạt, tuỳ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương và đối tượng HS. Với những nơi có điều kiện, GV có thể kết hợp sử dụng nhiều thiết bị dạy học hiện đại (máy tính, máy chiếu, thiết bị kết nối mạng,...). Nhưng nếu không có sự hỗ trợ của những thiết bị đó, GV vẫn hoàn toàn có thể thực hiện được mục tiêu bài học cả về kiến thức, năng lực và phẩm chất.
- Khi tiến hành biên soạn cuốn sách, nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiếp cận học để thực hành và thực hành để học; học qua trải nghiệm và trải nghiệm để học. Vì vậy, trong nội dung của mỗi bài học, mỗi chủ đề, các tác giả cũng đưa ra những gợi ý về các hình thức để tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử: trên lớp, thực địa, bảo tàng, nhà



trưng bày; hay tổ chức các câu lạc bộ lịch sử, hình thức sân khấu hoá tại lớp, trường cũng là những hình thức học tập lịch sử sinh động, hấp dẫn và đạt hiệu quả cao.

Sách được biên soạn đảm vận dụng nguyên lí “Người học là trung tâm”, tạo điều kiện cho HS có thể tự học, tự lĩnh hội kiến thức và góp phần phát triển năng lực bản thân.

- Sách được thiết kế 4 màu, màu sắc phù hợp với tâm lí, lứa tuổi HS. Hình ảnh được lựa chọn kĩ lưỡng, phù hợp với nội dung của từng bài học, chủ đề.

IV MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ NHẰM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Lịch sử cần được thể hiện ở mức độ phù hợp với các hoạt động học tập được gợi ý ở SGK. Những gợi ý sau đây chỉ mang tính chất tham khảo, GV hoàn toàn chủ động trong việc chọn những phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với cách dạy học của mình, phù hợp với điều kiện của lớp học, trường học, đối tượng HS, cũng như môi trường xung quanh,... đảm bảo để các em được tham gia học tập một cách tích cực và có thể đạt được các mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực môn học một cách hiệu quả nhất.

Với yêu cầu đổi mới phương pháp và hình thức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, làm cho HS yêu thích hơn đối với môn học này thì khi dạy học, GV cần tuân theo định hướng chung về phương pháp tổ chức dạy học phân môn Lịch sử. Đó là:

- Đè cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.
- Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến để cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, tranh luận, đóng vai, lập sơ đồ tư duy,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ở bảo tàng, trải nghiệm ở di tích lịch sử,... chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng của môn Lịch sử đó là quan sát, tưởng tượng, so sánh, đối chiếu, liên hệ với ngày nay,...
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, lược đồ, sơ đồ, các

bảng thống kê, so sánh, bảng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử, phim, video clip về lịch sử,...; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,... nhằm minh họa bài giảng của GV và hỗ trợ các hoạt động học tập của HS.

Sau đây là gợi ý về một số phương pháp dạy học nhằm hình thành, phát triển năng lực lịch sử:

- *Phương pháp dạy học nêu vấn đề*

Dạy học nêu vấn đề không phải là phương pháp riêng biệt mà là một sự tổng hợp của nhiều phương pháp. Dạy học nêu vấn đề giúp phát huy tư duy độc lập của HS, trong đó GV phải tạo tình huống có vấn đề, nêu vấn đề ra và tổ chức, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, tìm tòi của HS để giải quyết.

Đặc điểm của phương pháp này là:

- + Nghiên cứu tài liệu, HS phải tự giải quyết một phần, một số vấn đề cần sự hướng dẫn của GV.
- + Thực hành dưới hình thức lời giảng nêu vấn đề, bài tập nhận thức.
- + Mục đích là phát triển năng lực tư duy của HS.

Cấu trúc gồm ba phần:

- + Đặt mục đích học tập trước khi HS nghiên cứu bài mới.
- + Tổ chức cho HS giải quyết vấn đề được thực hiện từ đề xuất, lập kế hoạch, đến thực hiện giải quyết vấn đề.
- + Kết luận, tiến hành thảo luận kết quả, đánh giá, khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận, đề xuất vấn đề mới.

Khi giới thiệu bài, GV cần tạo tình huống có vấn đề. Đó là tình huống, là điều kiện sự phạm để HS thấy sự cần thiết phải suy nghĩ để tìm ra cái mới, cái chưa biết.

- *Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan*

Trong dạy học lịch sử, đồ dùng trực quan được chia thành ba nhóm chính:

- + Nhóm đồ dùng trực quan hiện vật (di tích lịch sử, di vật khảo cổ, hiện vật còn lưu lại qua các thời kì lịch sử).
- + Nhóm đồ dùng trực quan tạo hình (mô hình, sa bàn, các loại phục chế khác; hình vẽ, tranh ảnh, phim tư liệu lấy chủ đề lịch sử).
- + Nhóm đồ dùng trực quan quy ước (bản đồ, lược đồ lịch sử, sơ đồ, bảng biểu,...).

Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan tạo điều kiện cho HS được quan sát trực tiếp sự vật, hoặc hình ảnh thực của sự vật, hình ảnh trừu tượng hóa của sự vật nhằm giáo dục tư tưởng, tình cảm và cảm xúc, thẩm mĩ, tạo hứng thú cho HS, là cầu nối giữa quá khứ - hiện tại.



Phương pháp này có tác dụng góp phần tạo biểu tượng lịch sử, có thể là nguồn cung cấp tri thức mới, hỗ trợ tốt cho tường thuật, khắc sâu vào trí nhớ của HS, từ đó bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, quan điểm thẩm mĩ.

Khi sử dụng phương pháp này, cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Căn cứ vào nội dung, yêu cầu giáo dục của bài học để chọn đồ dùng trực quan thích hợp.
- + Có phương pháp thích hợp đối với việc sử dụng đồ dùng trực quan.
- + Phát huy tính tích cực của HS khi dùng đồ dùng trực quan.
- + Kết hợp lời nói và trình bày các đồ dùng trực quan, đồng thời rèn luyện kĩ năng thực hành của HS.
- + Tuỳ theo yêu cầu của bài học, loại hình đồ dùng trực quan mà có cách sử dụng khác nhau.
- *Phương pháp thảo luận, tranh luận*

Phương pháp thảo luận, tranh luận được xem là một trong những phương pháp ưu thế trong phát triển năng lực HS, nhất là phát triển tư duy phản biện. Với mục tiêu phát triển tư duy phản biện cho HS, đổi mới cách học lịch sử, khiến HS thích thú và gần gũi hơn với môn học này thì GV cần sử dụng một cách hiệu quả phương pháp thảo luận, tranh luận.

Phương pháp này có tác dụng giúp HS trao đổi kiến thức lịch sử một cách chủ động, hiệu quả và chính xác; trang bị cho HS những kĩ năng cơ bản của tư duy để đưa ra những phán đoán thuyết phục; giúp hình thành những công dân có trách nhiệm xã hội trên nền tảng nhận thức khoa học.

Nguyên tắc cơ bản của phương pháp này là:

- + GV đưa ra, gợi mở cho HS suy nghĩ, đánh giá về một vấn đề nhất định theo những hướng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, sau đó dựa trên những tìm hiểu của các em, GV tổ chức cho các em trao đổi, bàn bạc về vấn đề đó.
- + HS sẽ đưa ra và bảo vệ quan điểm của mình, đồng thời thuyết phục đối phương theo ý kiến đó bằng những lập luận, lí lẽ, bằng chứng xác thực, nhằm làm rõ những khía cạnh khác nhau của vấn đề và làm giàu sự hiểu biết của cá nhân theo yêu cầu của mục tiêu và nhiệm vụ dạy học.

Khi sử dụng phương pháp này, GV cần lưu ý:

- + Tổ chức thảo luận để phát triển kĩ năng phân tích, đánh giá cho HS trên cơ sở hệ thống câu hỏi của tư duy phản biện kết hợp với thảo luận nhóm (chọn vấn đề thảo luận, chia nhóm để thảo luận, tiến hành thảo luận và đánh giá, tổng kết).

- + Tổ chức tranh luận để phát triển tư duy phản biện với nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên ở trường phổ thông, GV nên chọn tranh luận theo nhóm là chủ yếu (lựa chọn chủ đề tranh luận, chuẩn bị tư liệu và kế hoạch tranh luận, tổ chức tranh luận) kiểm tra và đánh giá kết quả bài học theo hoạt động tranh luận.
- *Phương pháp đóng vai*

Phương pháp đóng vai là một trong những phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy cao độ tính tự giác, độc lập và sáng tạo của người học.

- + Hình thức đóng vai gồm: đóng vai nhân vật lịch sử và đóng vai tình huống.
- *Đóng vai nhân vật lịch sử* tức là HS, thể hiện tính cách, con người, hành động của nhân vật lịch sử cụ thể. Ví dụ, khi dạy về “Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên”, GV tổ chức cho cả lớp chia nhóm đóng vai nhân vật Trần Quốc Tuấn và chuẩn bị cho trận đánh lớn trên sông Bạch Đằng trong cuộc kháng chiến lần thứ ba.
- *Đóng vai tình huống* là hình thức HS đóng vai trong những tình huống nhất định. Dựa trên những thông tin, dữ liệu cho sẵn, các em hoá thân vào một nhân vật trong quá khứ để tìm hiểu, giới thiệu về lịch sử đã xảy ra. Ví dụ: “Em hãy tưởng tượng mình là một binh sĩ trong đội quân của Lý Thường Kiệt kể lại trận đánh trên sông Như Nguyệt”.

- *Phương pháp dạy học dự án để tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*

Dạy học dự án là một hình thức dạy học, HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, thực tiễn. HS thực hiện nhiệm vụ với tính tự lập cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh để đưa ra một sản phẩm sau buổi trải nghiệm sáng tạo.

Quy trình:

Bước 1: Lựa chọn chủ đề và xác định mục đích của dự án khi tiến hành trải nghiệm.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực hiện về thời gian, yêu cầu sản phẩm, phân công nhiệm vụ,...

Bước 3: Thực hiện dự án, HS triển khai làm việc độc lập.

Bước 4: Công bố sản phẩm và đánh giá dự án.

Ví dụ: Dự án: “Các nền văn minh cổ đại trên thế giới”.

- *Phương pháp sử dụng di sản trong dạy học lịch sử*

- + Các di sản thường sử dụng trong dạy học môn Lịch sử như: Di sản văn hoá vật thể (di tích lịch sử – văn hoá, hiện vật, cổ vật, bảo vật quốc gia); Di sản văn hoá phi vật thể (tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian).

+ GV cần tạo điều kiện cho HS tích cực tham gia các hoạt động học tập trực tiếp trải nghiệm với di sản.

Lưu ý, sử dụng di sản trong dạy học lịch sử cần có sự kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực khác như: sử dụng đồ dùng trực quan (hình ảnh, sơ đồ,... của di sản), dạy học nêu vấn đề, dạy học theo dự án,...

+ Về các hình thức tổ chức, dạy học sử dụng di sản:

- Khai thác, sử dụng tài liệu về di sản để tiến hành bài học ở trường phổ thông.
- Tiến hành bài học tại nơi có di sản.
- Tổ chức tham quan, học tập tại nơi có di sản.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khoá – trải nghiệm di sản.

- *Phương pháp sử dụng tư liệu theo hướng phát triển năng lực HS*

+ Sử dụng tư liệu lịch sử trong dạy học lịch sử có ý nghĩa quan trọng, góp phần khắc phục được hiện tượng “hiện đại hoá lịch sử”, tránh việc xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử. Sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu nội dung bài học là một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình biên soạn nội dung các chủ đề, bài học trong SGK *Lịch sử 10* của bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Việc sử dụng tư liệu trong quá trình học tập lịch sử không chỉ giúp HS hiểu sâu hơn nội dung bài học, tránh “hiện đại hoá lịch sử” mà còn trực tiếp góp phần hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, cũng như tạo cho HS thói quen “nói có sách, mách có chứng” khi tìm hiểu, nhận thức và vận dụng lịch sử.

+ Tư liệu có thể sử dụng trong tất cả các khâu trong dạy học lịch sử, từ nghiên cứu kiến thức mới, ôn tập, củng cố, giao bài tập về nhà đến kiểm tra, đánh giá. Việc phân tích một tư liệu lịch sử để hình thành kiến thức mới có thể khai thác ở nhiều khía cạnh: về nội dung của tư liệu (ra đời từ khi nào, của ai, nội dung phản ánh những gì, phản ánh đúng hay không...); về hình thức (tư liệu thuộc loại nào – vật chất hay chữ viết); về giá trị thẩm mĩ (vật đó đẹp hay không đẹp?...); về kĩ thuật (đã có giấy viết chưa, trình độ khắc chữ trên đá hay trên các vật liệu khác...). Từ đó, GV có thể dẫn dắt HS trở về với bài giảng, hiểu sâu và cụ thể hơn nội dung của bài giảng.

Việc phân chia thành các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên chỉ mang tính tương đối. Trong thực tế, khi tổ chức một hoạt động dạy học, GV thường sử dụng đan xen, tích hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác nhau. Ví dụ, với hoạt động hình thành kiến thức mới, khi tổ chức dạy học GV không chỉ yêu cầu HS quan sát mà vừa quan sát, vừa thảo luận hay trả lời câu hỏi. Hơn nữa hoạt động đó có thể tiến hành theo nhóm, cá nhân hay cả lớp, có thể tiến hành trong lớp hay ở di tích, bảo tàng,...

V KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Theo định hướng đánh giá được chỉ ra trong CTGDPT tổng thể cũng như trong Chương trình môn Lịch sử, việc đánh giá kết quả giáo dục cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- *Về mục tiêu đánh giá:* cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn học và sự tiến bộ của HS để từ đó GV điều chỉnh hoạt động dạy học của mình; đồng thời hướng dẫn, khuyến khích, tạo động cơ, hứng thú học tập của HS.
- *Về căn cứ đánh giá:* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Lịch sử được quy định trong Chương trình.
- *Về hình thức đánh giá:* theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 - 8 - 2020 về việc sửa đổi quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, việc kiểm tra, đánh giá sẽ được kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số, tức là kiểm tra, ĐGTX và định kì.

5.1. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS chú trọng đến đánh giá quá trình (ĐGTX) để phát hiện kịp thời sự tiến bộ của HS và vì sự tiến bộ của HS, từ đó điều chỉnh và tự điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học trong quá trình dạy học. Quan điểm này thể hiện rõ trong việc xem mỗi hoạt động đánh giá như là học tập (Assessment as learning) và đánh giá là vì học tập của HS (Assessment for learning). Ngoài ra, đánh giá kết quả học tập (ĐGĐK) cũng sẽ được thực hiện tại một thời điểm cuối của quá trình giáo dục để xác nhận những gì HS đạt được so với chuẩn đầu ra.

- *Đánh giá năng lực:* là quá trình trong đó người đánh giá tương tác với HS để thu thập các minh chứng về năng lực, sử dụng các chuẩn đánh giá đã có để đưa ra kết luận về mức độ đạt hay không đạt về năng lực nào đó của HS.

Xét về bản chất thì không có mâu thuẫn giữa đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kĩ năng, mà đánh giá năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kĩ năng. Để chứng minh HS có năng lực ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội cho HS được giải quyết vấn đề trong tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó, HS vừa phải vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng và xã hội). Tuy nhiên, đánh giá năng lực có những điểm khác biệt cơ bản so với đánh giá kiến thức, kĩ năng. Có thể phân biệt sự khác biệt đó dựa theo bảng dưới đây.



Tiêu chí so sánh	Đánh giá năng lực	Đánh giá kiến thức, kĩ năng
1. Mục đích đánh giá trọng tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng người học vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống; - Vì sự tiến bộ của người học so với chính mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định việc đạt được kiến thức, kĩ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục; - Đánh giá, xếp hạng giữa những người học với nhau.
2. Ngữ cảnh đánh giá	Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của người học.	Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kĩ năng, thái độ) học được trong nhà trường.
3. Nội dung đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân người học trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện). - Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở một môn học cụ thể; - Quy chuẩn theo việc người đó có đạt hay không một nội dung đã được học.
4. Công cụ đánh giá	Nhiệm vụ, bài tập gắn với tình huống, bối cảnh thực tiễn.	Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực tiễn.
5. Thời điểm đánh giá	Đánh giá ở mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học.	Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy.
6. Kết quả đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành; - Thực hiện được nhiệm vụ càng khó và phức tạp thì sẽ được coi là có năng lực cao hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực của người học phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành; - Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kĩ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn.

Dựa vào bảng trên, ta thấy điểm khác biệt giữa đánh giá năng lực so với đánh giá kiến thức, kĩ năng là ở chỗ đánh giá kiến thức, kĩ năng là đánh giá xem xét việc đạt kiến thức, kĩ năng của HS theo mục tiêu của chương trình giáo dục, gắn với nội dung được học trong nhà trường và kết quả đánh giá phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ

hay bài tập đã hoàn thành về đơn vị kiến thức, kĩ năng. Đánh giá năng lực là đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học vào giải quyết vấn đề trong học tập hoặc trong thực tiễn cuộc sống của HS và kết quả đánh giá HS phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ và bài tập đã hoàn thành theo các mức độ khác nhau. Thang đo trong đánh giá năng lực được xác định theo các mức độ phát triển năng lực của HS, chứ không phải có đạt hay không một nội dung đã được học.

Các yêu cầu khi đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS:

- Đánh giá được tích hợp vào trong quá trình dạy học, giáo dục, tức là chuyển đánh giá từ một hoạt động gần như độc lập với quá trình dạy học, giáo dục sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, giáo dục, xem đánh giá như là một phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục hiệu quả nhằm liên tục thu được những thông tin phản hồi cho GV và HS, giúp cho GV có những quyết định phù hợp trong các thời điểm dạy học và giáo dục, giúp HS tích cực hơn trong học tập và tham gia các hoạt động giáo dục.
- Chú trọng đánh giá quá trình và sự tiến bộ của HS, hay nói cách khác là chuyển dần trọng tâm từ việc đánh giá kết quả cuối cùng sang đánh giá cả quá trình đảm bảo cho việc đánh giá toàn diện hơn, đầy đủ hơn nội dung môn học và hoạt động giáo dục, giúp HS có nhiều cơ hội để thể hiện mình và giảm bớt sức ép từ việc kiểm tra, đánh giá. Từ đó có động lực để tiến bộ hơn trong học tập và giáo dục.
- Chuyển từ đánh giá kĩ năng đơn lẻ sang đánh giá kĩ năng có tính phức hợp. Nghĩa là không chỉ đánh giá các kĩ năng, các sự kiện riêng lẻ mà còn là đánh giá các kĩ năng tổng hợp, không chỉ là đánh giá khả năng nhớ và hiểu mà còn là đánh giá khả năng hiểu sâu, khả năng lập luận, khả năng vận dụng, nhấn mạnh đến kĩ năng tư duy, làm việc nhóm. Đánh giá cần dựa trên nhiều thông tin đa dạng, HS tự đánh giá và đánh giá từ các chủ thể khác nhau.
- Chuyển từ đánh giá một chiều (GV đánh giá), sang đánh giá đa chiều (GV đánh giá kết hợp với HS tự đánh giá, HS đánh giá chéo và tổ chức kiểm định, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng đánh giá). Nhờ vậy mà kết quả đánh giá sẽ toàn diện và khách quan hơn, đồng thời còn tạo cơ sở để hình thành cho HS năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá, tự điều chỉnh nhằm thực hiện triết lí coi đánh giá là một hoạt động học tập.
- Kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số, chú trọng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo định hướng phẩm chất, năng lực.

5.2. Một số hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

Hình thức: Gồm hai hình thức là ĐGTX và ĐGĐK.

- *Đánh giá thường xuyên:*



ĐGTX hay còn gọi là đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học, cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập. ĐGTX chỉ những hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện trong quá trình dạy học, có ý nghĩa phân biệt với những hoạt động kiểm tra, đánh giá trước khi bắt đầu quá trình dạy học một môn học nào đó (đánh giá đầu năm/đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc quá trình dạy học môn học này (đánh giá tổng kết). ĐGTX được xem là đánh giá về quá trình học tập hoặc về sự tiến bộ của người học.

+ ĐGTX tập trung vào những nội dung chính sau đây:

- Theo dõi sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện được giao.
- Sự hứng thú, tự tin, cam kết, trách nhiệm của HS khi thực hiện các hoạt động học tập cá nhân.
- Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm.

+ Phương pháp và công cụ đánh giá:

Phương pháp kiểm tra, ĐGTX có thể là kiểm tra viết, quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập.

Công cụ có thể dùng là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm tra, thẻ kiểm tra/phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí, phiếu hỏi, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi vấn đáp,... được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn. GV có thể thiết kế các công cụ từ các tài liệu tham khảo cho phù hợp với từng tình huống, bối cảnh đánh giá dạy học, đánh giá giáo dục (mang tính chủ quan của từng GV). Công cụ sử dụng trong ĐGTX có thể được điều chỉnh để đáp ứng mục tiêu thu thập những thông tin hữu ích điển hình ở từng HS, do vậy không nhất thiết dẫn tới việc cho điểm.

+ Khi tiến hành ĐGTX, người đánh giá cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cần xác định rõ mục tiêu để từ đó xác định được phương pháp hay kĩ thuật sử dụng trong ĐGTX.
- Các nhiệm vụ ĐGTX được đề ra nhằm mục đích hỗ trợ, nâng cao hoạt động học tập. ĐGTX nhấn mạnh đến tự đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí của bài học và phương hướng cải thiện để đáp ứng tốt hơn nữa.
- Việc nhận xét trong ĐGTX tập trung cung cấp thông tin phản hồi chỉ ra các nội dung cần chỉnh sửa, đồng thời đưa ra lời khuyên cho hành động tiếp theo (ngay trước mắt HS phải làm gì và làm bằng cách nào).
- Không so sánh HS này với HS khác, hạn chế những lời nhận xét tiêu cực, trước sự chứng kiến của các bạn học, để tránh làm thương tổn HS.

- Mọi HS đều có thể thành công, GV không chỉ đánh giá kiến thức, kĩ năng,... mà phải chú trọng đến đánh giá các năng lực, phẩm chất (tự quản, tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề,... tự tin, trách nhiệm, đoàn kết yêu thương) trên nền cảm xúc/niềm tin tích cực,... để tạo dựng niềm tin, nuôi dưỡng hứng thú học tập.
- ĐGTX phải thúc đẩy hoạt động học tập, tức là giảm thiểu sự trừng phạt/đe dọa/chê bai HS, đồng thời tăng sự khen ngợi, động viên.
 - Trong dạy học môn Lịch sử, ĐGTX thường được thực hiện trên lớp học và thực hiện bằng một số phương pháp, kĩ thuật sau:
- Quan sát trên lớp để thu thập thông tin về HS thông qua tri giác trực tiếp và ghi chép trung thực những hoạt động, hành vi, phản ứng, thái độ, sắc thái tình cảm,... trong các tình huống cụ thể. Bằng quan sát, GV đánh giá được các thao tác, hành vi, các phản ứng, kĩ năng thực hành, kĩ năng giải quyết vấn đề,... từ đó nhận xét kết quả học tập của HS. Khi quan sát, GV chú ý sử dụng phiếu để ghi lại nội dung quan sát. Phiếu nên thiết kế dưới dạng bảng kiểm tra để dễ sử dụng. Mỗi lần quan sát chỉ nên tập trung vào một vài nội dung nhất định (ví dụ vào tính tự chủ trong hoạt động cá nhân ở tình huống thực tế, khả năng hợp tác trong hoạt động nhóm,...) và vào một số ít HS (2 – 3 HS). GV cũng cần chú ý vị trí quan sát để thu được thông tin chính xác.
- Hỏi vấn đáp (phỏng vấn, đàm thoại, kiểm tra miệng) nhằm thu thập thông tin về việc học tập từ đầu cho đến cuối giờ học. Mỗi câu hỏi có một chức năng nhất định như kiểm tra lại kiến thức đã học, phát hiện ra vấn đề mới, kết luận rút ra từ bài học, thu hút HS vào bài học,... Khi HS trả lời cũng chính là lúc các em được rèn luyện và phát triển năng lực ngôn ngữ và giao tiếp. Các câu hỏi GV đưa ra cần rõ ràng, dễ hiểu.
- Nghiên cứu sản phẩm của HS: Đó là các bài tập về nhà, bài tập ở lớp, bản kế hoạch làm việc, vở ghi bài, báo cáo thực hành, báo cáo thực địa, các dự án học tập, hồ sơ học tập, bài kiểm tra trên giấy,... hoặc phần trình bày miệng kết quả làm việc của HS.
- Tự đánh giá: Đó là nét riêng của hình thức đánh giá quá trình. Ở đây, HS được tự liên hệ kết quả của nhiệm vụ mà các em thực hiện với mục tiêu đặt ra từ đầu, qua đó HS sẽ học cách đánh giá các nỗ lực và tiến bộ cá nhân, biết cách nhìn lại quá trình học tập và tự phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân. GV cần tạo cơ hội để HS tham gia vào quá trình thiết lập những mục tiêu học tập của bản thân, từ đó các em có thể phản ánh lại quá trình học tập của mình.
- Đánh giá đồng đẳng: là quá trình các HS/nhóm HS đánh giá công việc, kết quả làm việc lẫn nhau. HS đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí định sẵn. GV có vai trò hướng dẫn, huấn luyện việc đánh giá đồng đẳng và coi như một phần của hoạt động học.

Đánh giá đồng đẳng không chỉ cung cấp thông tin về kết quả học tập mà còn phản ánh được phẩm chất của HS như tính trung thực, linh hoạt, trí tưởng tượng, sự đồng cảm, tinh thần trách nhiệm,... của HS. Cách đánh giá này còn giúp người đánh giá và người được đánh giá phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

Để ĐGTX, việc đầu tiên GV cần làm là xây dựng được hệ thống nhiệm vụ có mức độ yêu cầu khác nhau. Có thể thực hiện đánh giá theo các bước sau:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hành động thể hiện các năng lực, kĩ năng cần đánh giá. Muốn vậy, GV cần:

- Thiết kế công cụ để đánh giá trước, trong và sau khi thực hiện quá trình dạy học. (VD: Phiếu khảo sát năng lực, phẩm chất của HS trước khi học tập; đề kiểm tra cuối chương của chương trình môn học nhằm đo lường việc đạt chuẩn đầu ra của môn học. Chú trọng kĩ thuật thiết kế câu hỏi tự luận, câu hỏi mở và hướng dẫn chấm điểm).
- Xây dựng các bài tập, nhiệm vụ và tiêu chí cho các đánh giá như: báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, bảng ghi hoạt động ngoại khoá,...; các dự án, nhiệm vụ học tập; phỏng sự phỏng vấn, xêmina, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm, diễn đàn khoa học,...
- Thiết lập mẫu biểu quan sát trên lớp với kĩ thuật lựa chọn những hoạt động, kĩ năng, những cá nhân hoặc nhóm cần quan sát ở một giờ học cụ thể.
- Thiết lập mẫu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, bản tường trình sự kiện, nhật ký học tập,...

Bước 2. Thu thập các minh chứng về năng lực cần đánh giá. Tuỳ theo các năng lực khác nhau mà sẽ sử dụng các công cụ khác nhau để thu thập minh chứng về các năng lực này. Đó có thể là Phiếu học tập, hồ sơ dự án, sản phẩm dự án hoặc thông qua quan sát trực tiếp,...

Bước 3. Đánh giá thông qua so sánh các minh chứng thu được với các tiêu chí chất lượng của hành vi đã mô tả trong cấu trúc năng lực. Ví dụ quen thuộc nhất của việc này là đối chiếu bài làm của HS với đáp án của GV. Với các hoạt động phức tạp hơn như thuyết trình, báo cáo trải nghiệm,... cần sử dụng bảng đánh giá theo tiêu chí (Rubric) để hỗ trợ quá trình so sánh này nhằm đảm bảo tính khách quan trong đánh giá.

- *Đánh giá định kì*

ĐGĐK là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt được quy định trong CTGDPT và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất HS.

Mục đích chính của ĐGĐK là thu thập thông tin từ HS để đánh giá thành quả học tập và giáo dục sau một giai đoạn học tập nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định thành tích của HS, xếp loại HS và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

Nội dung ĐGĐK tập trung vào việc đánh giá mức độ thành thạo của HS ở các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sau một giai đoạn học tập (giữa kì/cuối kì).

Thời điểm ĐGĐK thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện ĐGĐK có thể là GV đánh giá, nhà trường đánh giá hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

Phương pháp ĐGĐK có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; vấn đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ học tập.

Công cụ ĐGĐK có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu,...

Khi tiến hành ĐGĐK đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đa dạng hoá trong sử dụng các phương pháp và công cụ đánh giá;
- Chú trọng sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá được những biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi, kết quả sản phẩm học tập của HS gắn với các chủ đề học tập và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.
- Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá trên máy tính để nâng cao năng lực tự học cho HS.

ĐGĐK thông thường được thực hiện dưới các dạng kiểm tra viết. Xét theo dạng thức của bài kiểm tra có hai loại là kiểm tra viết dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan.

+ Phương pháp kiểm tra dạng tự luận:

Là phương pháp GV thiết kế câu hỏi, bài tập, HS xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập trên bài kiểm tra viết. Một bài kiểm tra tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, nó cho phép một sự tự do tương đối nào đó để trả lời các vấn đề đặt ra.

Câu tự luận thể hiện ở hai dạng:

Thứ nhất là câu có sự trả lời mở rộng, là loại câu có phạm vi rộng và khái quát. HS tự do biểu đạt tư tưởng và kiến thức.

Thứ hai là câu tự luận trả lời có giới hạn, các câu hỏi được diễn đạt chi tiết, phạm vi câu hỏi được nêu rõ để người trả lời biết được độ dài ước chừng của câu trả lời. Bài kiểm tra với loại câu này thường có nhiều câu hỏi hơn bài tự luận với câu tự luận có sự trả lời mở rộng. Nó đề cập tới những vấn đề cụ thể, nội dung hẹp hơn nên đỡ mờ hổ hơn đối với người trả lời; do đó việc chấm điểm dễ hơn và có độ tin cậy cao hơn.



+ Phương pháp kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan

Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản hay một từ, một cụm từ. Câu trắc nghiệm khách quan bao gồm các loại sau:

Loại câu nhiều lựa chọn: Là loại câu thông dụng nhất, còn gọi là câu đa phương án, gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn.

Loại câu đúng – sai: Thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai.

VI HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

6.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng CNTT trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác bồi dưỡng GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau: Thứ nhất, nền tảng sách điện tử – **Hành trang số** cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Song hành cùng Hành trang số, nền tảng tập huấn GV trực tuyến – **Tập huấn** hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu bồi dưỡng, hỗ trợ và hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học. Các tài liệu chính thống được cung cấp từ NXBGDVN xuyên suốt tới các cấp quản lí giáo dục và GV sử dụng bộ SGK.

NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, CBQL trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng **Hành trang số** và **Tập huấn** như sau:

* Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách dồi dào

Trong năm 2022, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu bồi dưỡng GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo CTGDPT 2018. Trong năm 2022, khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên **Hành trang số** trong năm đạt khoảng hơn 10 000 học liệu, bao gồm: lớp 1, lớp 2, lớp 6 lớp 7, và lớp 10 theo Chương trình, SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên bồi dưỡng GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK vẫn được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2022.

* Đảm bảo cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên sách dễ dàng, có tính ứng dụng cao

Đối với nền tảng sách điện tử **Hành trang số**, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng **Hành trang số** và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

Đối với nền tảng **Tập huấn** GV trực tuyến, các tài liệu bồi dưỡng được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

* Hỗ trợ thường xuyên trong năm học

Nhằm hỗ trợ tối đa các CBQL, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng **Hành trang số** và **Bồi dưỡng** trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ – **19004503** (hoạt động 08:00–17:00 từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

6.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

6.2.1. Giới thiệu về **Hành trang số**

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. **Hành trang số** cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo CTGDPT 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. **Hành trang số** bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.



- Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, **Hành trang số** tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.
- Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đổi với các bài tập trong SGK và sách bổ trợ của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, Tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, sách bổ trợ, **Hành trang số** đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát Chương trình, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.
- Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ Chương trình, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. **Hành trang số** đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, **Hành trang số** mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

6.2.2. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng bồi dưỡng GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. **Tập huấn** cung cấp tài liệu bồi dưỡng GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu bồi dưỡng, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm trong năm học.

Việc cấp tài khoản **Tập huấn** được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các phòng giáo dục và đào tạo; phòng giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai bồi dưỡng tại địa phương.

- Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khóa tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khóa bồi dưỡng đăng tải những tài liệu bồi dưỡng do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh họa, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm trong năm học. Mỗi khóa tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khóa tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.
- Đối với tài khoản cấp quản lý giáo dục (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu bồi dưỡng bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng “Thống kê” cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

6.2.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác bồi dưỡng GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu bồi dưỡng của 4 bộ SGK lớp 1 với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh họa; tài liệu bồi dưỡng (PDF, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 – 4 – 2016 quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hóa dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...”

- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12 – 2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6 000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên **Hành trang số** là hơn 10 000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.
- Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác theo Chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo



sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lí của mỗi bộ sách, tham vấn sách GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

6.2.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Các thầy, cô giáo có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.
- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, **Hành trang số** cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.
- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được **Hành trang số** xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.
- Ngoài ra các thầy, cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng **Hành trang số** kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, các thầy, cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC BÀI HỌC

I HƯỚNG DẪN CHUNG

Như đã đề cập ở Phần một, SGK *Lịch sử 10* được cấu trúc thành 7 chủ đề (14 bài học). Các bài học được cấu trúc theo 4 hoạt động, như quy định trong Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 22 – 12 – 2017, gồm: 1. Mở đầu; 2. Hình thành kiến thức mới; 3. Luyện tập; 4. Vận dụng. Ranh giới phân chia các tiết học trong một bài học không cứng nhắc, GV có thể tuỳ theo tình hình thực tế của lớp học và điều kiện của nhà trường mà linh hoạt điều chỉnh cho phù hợp.

Khi tổ chức dạy học, GV lưu ý đến những vấn đề sau:

- Trong phần Mở đầu, SGK đưa ra một tình huống khởi động, GV có thể sử dụng tình huống trong sách để tổ chức hoạt động khởi động vào bài mới, ngoài ra, GV hoàn toàn có thể sáng tạo trong việc đưa ra các tình huống khởi động khác một cách sinh động, hấp dẫn, miễn đạt được mục đích, yêu cầu của hoạt động này.
- Trong mỗi bài học, đều có hình ảnh vừa là để minh họa cho kênh chữ vừa để HS khai thác, do đó, GV cần tìm hiểu thêm về nội dung, xuất xứ, địa điểm của hình ảnh đó để cung cấp cho HS. Trong hoạt động hình thành kiến thức mới, thông tin nội dung bổ trợ, mở rộng (*Kết nối với ngày nay/với địa lí/với văn hoá/với văn học và Em có biết?*) GV nên khai thác để bổ sung, hỗ trợ, giải thích, mở rộng cho nội dung chính (kênh chữ, tư liệu, hình ảnh,...).
- Cuối mỗi mục trong bài học là các câu hỏi nhằm hình thành kiến thức mới cho HS, GV có thể sử dụng đan xen trong từng mục để tổ chức hoạt động sau đó GV chốt lại kiến thức để HS nắm được nội dung yêu cầu của Chương trình.
- Câu hỏi bài tập mang tính luyện tập ở cuối bài học nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng gắn với kiến thức vừa học.
- Câu hỏi mang tính vận dụng ở cuối bài học nhằm sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

II HƯỚNG DẪN DẠY HỌC BÀI HỌC CỤ THỂ

Trong các bài đều có bốn hoạt động: mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tương ứng với mỗi phần là một hoạt động học tập, các hoạt động này được nối với nhau một cách log-gic. Vì vậy, khi tổ chức hoạt động học tập, GV cần hướng dẫn HS tiến hành lần lượt các hoạt động, thông qua các hoạt động này, HS linh hoạt được kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực.



- **Hoạt động mở đầu:** Mục tiêu của hoạt động này nhằm tạo điều kiện để HS chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm của các em, tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài học mới. Với hoạt động này, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cả lớp và kĩ thuật dạy học thường được sử dụng là kĩ thuật động não (công não) để có thể huy động được nhiều ý kiến của HS.

Cách tiến hành: GV đưa ra câu hỏi, một vấn đề hoặc một số hình ảnh có liên quan đến nội dung bài học và yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời. GV nên động viên, khuyến khích để HS đưa ra những câu trả lời khác nhau. GV có thể ghi tóm tắt các câu trả lời của HS lên bảng và kết nối những kiến thức HS đã có trong khi dạy bài mới.

GV có thể sử dụng phần mở đầu bài học trong SGK hoặc có thể sử dụng các tình huống khác để làm tăng tính sinh động, phù hợp với tình hình thực tiễn. Song, các câu hỏi hoặc vấn đề nêu ra cho HS suy nghĩ phải gần gũi với nội dung bài học.

- **Hình thành kiến thức mới:** Việc hình thành kiến thức mới cho HS thông qua các hoạt động học tập của HS. GV tổ chức cho HS khai thác kiến thức thông qua kênh chữ, kênh hình. Tùy thuộc vào nội dung cần tìm hiểu dễ hay khó, đơn giản hay phức tạp mà GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, cặp đôi hay theo nhóm.

Căn cứ vào các câu hỏi trong mỗi phần, GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc. Với những nội dung phức tạp, GV cần gợi ý để HS có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Các bước thường tiến hành khi hình thành kiến thức mới:

- + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/cặp đôi/nhóm và giao nhiệm vụ cho HS như: đọc thông tin, quan sát hình và trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành Phiếu học tập...
- + HS làm việc cá nhân/cặp đôi/nhóm.
- + HS trình bày kết quả làm việc.
- + GV tóm tắt và nhận xét sản phẩm học tập của HS, sau đó GV chốt các kiến thức trọng tâm cần ghi nhớ.

GV nên tham khảo thêm thông tin ở mục tư liệu tham khảo trong SGV để khắc sâu, mở rộng kiến thức cho HS hoặc làm phong phú thêm nội dung bài dạy.

- **Luyện tập:** Phần này bản chất là củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng cho HS, HS cần phải trả lời các câu hỏi, hoàn thành bài tập ngay trên lớp, qua đó, GV cũng biết được mức độ nắm kiến thức và kĩ năng của HS sau bài học.

Với những câu hỏi, bài tập khó, GV có thể cho HS làm việc theo cặp hay nhóm. Trong khi HS làm việc, GV yêu cầu HS/cặp đôi hoặc đại diện các nhóm báo cáo.

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

Nhằm tăng tính hấp dẫn cho hoạt động luyện tập, GV có thể căn cứ vào các câu hỏi trong SGK và chuyển câu tự luận thành các câu trắc nghiệm khách quan hoặc các trò chơi, song cần đảm bảo nội dung của phần luyện tập.

- Vận dụng: Hoạt động này GV giao cho HS làm việc tại nhà. Căn cứ vào các yêu cầu vận dụng cụ thể, GV có thể cho HS hoạt động cá nhân, theo cặp đôi hay nhóm cho phù hợp. GV nên gợi ý cho HS các nguồn để thu thập thông tin, nội dung báo cáo (bài viết, hình ảnh,...). Sau đó, GV tổ chức cho HS báo cáo vào các giờ học tiếp theo. GV nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động của HS.

Bài soạn minh họa:

Bài 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

I MỤC TIÊU

Tiếp theo Bài 1, mục tiêu tổng quát, quan trọng nhất của Bài 2 là giúp cho HS hiểu được tại sao việc học tập, tìm hiểu lịch sử lại hữu ích và cần thiết cho cuộc sống của chúng ta, đồng thời giúp cho các em tin rằng các em có thể tự mình học tập và khám phá lịch sử một cách dễ dàng, sáng tạo.

Trên cơ sở đó, Bài 2 tiếp tục giúp HS phát triển ba nhóm năng lực cốt lõi: tìm hiểu lịch sử, tư duy và vận dụng sáng tạo tri thức lịch sử vào cuộc sống, thông qua đó góp phần bồi dưỡng các phẩm chất cơ bản: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, sáng tạo và trách nhiệm.

Nguyên tắc phương pháp của Bài 2 là: GV và HS cùng tìm hiểu, cùng làm việc một cách tích cực, sáng tạo.

1. Về kiến thức

- Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

2. Về năng lực

- Rèn luyện các kỹ năng: sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử; kỹ năng giải thích, phân tích,... sự kiện, vấn đề lịch sử.
- Biết vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).
- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức trân trọng lịch sử – văn hóa dân tộc và thế giới; chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, Phiếu học tập dành cho HS.
- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định chung và một số tranh ảnh khác do GV sưu tầm và được phóng to, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III ★ MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Bài này được biên soạn và dự kiến dạy học trong khoảng 3 tiết.
- Quá trình triển khai dạy học bài này, GV cũng cần lưu ý tuân thủ, vận dụng nhuần nhuyễn và phù hợp những định hướng dạy học hướng tới phát triển năng lực đã được trình bày ở phần hướng dẫn chung trong sách này. Yêu cầu đặt ra, cần tránh lối truyền thụ một chiều thầy đọc – trò chép như trước đây; HS phải trở thành trung tâm trong quá trình dạy học, GV chỉ là người tổ chức quá trình dạy học, định hướng hoạt động và nhận thức HS cần phải được tiếp tục đặt ra, tiếp tục được đề cao và ngày càng được thực hiện thành thục. Do đó, việc tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nhưng phù hợp với đối tượng HS, điều kiện trường lớp, vùng miền,... rất cần được GV quan tâm đầu tư và tổ chức thực hiện.
- Đặc trưng của bài học này là tính liên hệ giữa tri thức với cuộc sống rất cao. Vì vậy, trong quá trình tổ chức dạy học bài này, GV nên tăng cường liên hệ, lấy ví dụ từ thực tiễn để làm sáng tỏ vai trò của tri thức lịch sử trong cuộc sống, cũng như vận dụng tri thức để lí giải, giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, có ý thức trong việc học tập lịch sử suốt đời, học lịch sử ở khắp mọi nơi,... cũng là nhằm trang bị cho HS những kỹ năng, năng lực cần thiết để thích ứng với môi trường sống, làm việc nhiều thay đổi và ngày càng phát triển như hiện nay.

IV ★ GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

A. MỞ ĐẦU BÀI HỌC

- GV có thể gợi mở giúp HS liên hệ với kiến thức đã được học ở bài trước, kết hợp khai thác đoạn mở đầu bài học trong SGK với một số câu hỏi nêu vấn đề/ yêu cầu để khởi động vào bài học mới: *Lịch sử là những gì đã qua, vậy tại sao chúng ta lại phải nghiên cứu, tìm hiểu, phục dựng lịch sử? Chia sẻ hiểu biết của em về ý nghĩa và vai trò của tri thức lịch sử đối với cuộc sống hiện tại của mỗi cá nhân và xã hội.*

- GV cũng có thể lựa chọn cách mở đầu bài học theo cách khác. Ví dụ, sử dụng trực thời gian (đầu mục 1, tr. 15, SGK) và gợi mở cho HS: Theo các em, cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao nếu như chúng ta không có chút hiểu biết gì về việc trong quá khứ ông bà, tổ tiên,... đã sinh sống, lao động như thế nào để xây dựng nên gia đình, dòng tộc, quốc gia – dân tộc,... như ngày nay? Tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại từng nhắc nhở: “*Dân ta phải biết sử ta/ Cho tương gốc tích nước nhà Việt Nam?*” *Việc hiểu biết về quá khứ lịch sử, về cội nguồn của gia đình, dòng họ, quốc gia – dân tộc mình,... có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hiện tại và tương lai?*

- Khuyến khích HS mạnh dạn trình bày hiểu biết của mình về các vấn đề được nêu, thông qua đó, thầy cô có được những đánh giá ban đầu về nhận thức, khả năng của HS, cũng như định hướng, kích thích HS này sinh nhu cầu, mong muốn tìm hiểu về những vấn đề

cốt lõi của bài học mới trong quá trình học tập. HS vẫn nên duy trì thói quen ghi lại những câu hỏi/vấn đề mà các em muốn được khám phá hay giải đáp khi học bài mới để tập trung chú ý nhận thức.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử

a) Năng lực cần hình thành

– Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể.

⇒ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

– Biết được về nguồn gốc, tổ tiên của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc và toàn nhân loại.

– Truyền lại tri thức, kinh nghiệm, truyền thống văn hoá của thế hệ trước cho thế hệ sau, tạo nên mối liên kết giữa quá khứ với hiện tại và tương lai, trở thành yếu tố cốt lõi tạo nên ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và bản sắc văn hoá của cộng đồng, dân tộc.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

– *Hình 1.* Một trong những bức vẽ trên vách hang Ma-gu-ra (Bun-ga-ri) mô tả hoạt động săn bắn của người nguyên thuỷ, có niên đại khoảng 8 000 đến 4 000 năm cách ngày nay.

– *Hình 2.* Bìa sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch chữ Quốc ngữ do NXB Khoa học xã hội xuất bản năm 1998 tại Hà Nội).

– *Hình 3.* Trang bìa của một bộ sách lịch sử Việt Nam.

Khai thác các kênh hình trên sẽ giúp HS nhận thức được: từ xa xưa cho đến ngày nay, con người đã nhận thức rất rõ vai trò của việc lưu giữ và trao truyền, cũng như tìm hiểu lịch sử thông qua nhiều hình thức khác nhau (vẽ tranh, viết chữ trên các vật liệu khác nhau để lưu giữ, thể hiện phần nào những hoạt động hằng ngày của con người ngay từ thời nguyên thuỷ – Hình 1; tổ chức nghiên cứu lịch sử, sưu tầm sử liệu,... để biên soạn những công trình về lịch sử – hình 2, 3).

– *Tư liệu:* Hai đoạn trích trong tư liệu có điểm chung là đều đề cập đến vai trò, ý nghĩa của quá khứ lịch sử (đó chính là cội nguồn, là tổ tông; là tấm gương răn dạy cho đời sau; giúp chúng ta hiểu rõ về gốc tích nước nhà, tổ tiên mình,...). Khai thác tư liệu này, HS nhận thức được ý nghĩa của quá khứ lịch sử đối với hiện tại.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

GV vẫn sử dụng hình ảnh trình chiếu là trực thời gian (theo mẫu tr. 15, SGK) và gợi mở: Quan sát trực thời gian, em hãy cho biết các tri thức về lịch sử sẽ thuộc về khoảng nào trên trực thời gian đó? Những tri thức đó có vai trò, ý nghĩa như thế nào đối với các giai đoạn còn lại? Về ý thứ nhất của câu hỏi gợi mở, HS hoàn toàn có thể trả lời được. Với ý thứ hai,



GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động nhận thức, khai thác nội dung trong SGK theo hai phương án.

- *Phương án thứ nhất*

- GV hướng dẫn HS đọc kĩ nội dung tr. 15, SGK, thảo luận theo nhóm để tìm ra mối quan hệ giữa quá khứ - hiện tại - tương lai. HS có thể lập sơ đồ thể hiện rõ mối quan hệ đó.

Ví dụ:

Quá khứ	Hiện tại	Tương lai
Lịch sử đã qua	Luôn được kế thừa và xây dựng trên nền tảng, cơ sở của quá khứ.	Được định hướng, kiến tạo trên cơ sở của quá khứ và hiện tại.
Cần phải hiểu rõ những gì đã diễn ra (Ôn cố, tri tân)	Muốn cho hiện tại tốt đẹp hơn quá khứ.	Để tương lai huy hoàng hơn hiện tại.

- GV gợi mở: *Như vậy, lịch sử để lại những giá trị gì cho cuộc sống hiện tại?* Dựa vào những thông tin ở tr. 15 – 16, SGK, HS có thể trả lời câu hỏi, đó là:

+ Biết được về nguồn gốc của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc và toàn nhân loại.

+ Truyền lại tri thức, kinh nghiệm, truyền thống văn hoá của thế hệ trước cho thế hệ sau, tạo nên mối liên kết giữa quá khứ với hiện tại và tương lai, trở thành yếu tố cốt lõi tạo nên ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và bản sắc văn hoá của cộng đồng, dân tộc.

- Để khắc sâu kiến thức, rèn luyện kĩ năng làm việc với tư liệu cho HS, GV yêu cầu HS: *Khai thác tư liệu và cùng nhau thảo luận về các ý kiến được trích dẫn ở tư liệu để làm rõ vai trò và ý nghĩa của lịch sử.* GV định hướng HS chỉ ra điểm chung trong nội dung phản ánh của hai đoạn trích trong tư liệu: nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của quá khứ lịch sử (làm gương răn dạy đời sau; tưởng gốc tích nước nhà,...), dựa vào đó HS giải thích ý được nghĩa của lịch sử thông qua hai đoạn trích.

- GV tổ chức HS khai thác các kênh hình (tr. 16, SGK) để nhận thức được: từ xa xưa cho đến ngày nay, con người đã nhận thức rất rõ vai trò của việc lưu giữ và trao truyền, cũng như tìm hiểu lịch sử thông qua nhiều hình thức khác nhau (nêu một số hình thức trao truyền theo các hình ảnh trong SGK và các hình thức khác mà HS biết).

- *Phương án thứ hai*

- GV tổ chức cho HS khai thác những hình ảnh (tr. 16, SGK) và trả lời câu hỏi: *Thông qua các hình 1 – 3 giúp em biết điều gì?* HS hoạt động cá nhân/cặp đôi/nhóm, khai thác hình ảnh và chủ giải đi kèm để xác định ý trả lời. GV định hướng để HS nhận thức được: các hình ảnh đều có điểm chung: cho thấy từ xa xưa đến nay con người luôn tìm cách để lưu giữ, ghi chép,... để truyền lại cho thế hệ sau những điều đã diễn ra trong cuộc sống của mình (Hình 1). Và người đời sau luôn luôn có nhu cầu tìm hiểu về những điều đã xảy ra trong quá khứ, tạo điều kiện cho sự ra đời của những công trình nghiên cứu lịch sử (các hình 2, 3).

Để giúp HS củng cố, mở rộng nhận thức, có thể cho các em liên hệ thực tiễn, giới thiệu thêm một số hình thức trao truyền kinh nghiệm, truyền thống lịch sử của người xưa cho thế hệ sau (qua các hình thức văn học, nghệ thuật, lập đài tưởng niệm, thực hành các nghi lễ, phong tục,...).

- GV đặt câu hỏi: *Quá khứ lịch sử có ý nghĩa như thế nào khiến cho con người luôn muốn lưu giữ, trao truyền và tìm hiểu?* Để trả lời được câu hỏi này, GV hướng dẫn HS đọc và khai thác những nội dung còn lại của mục 1 (tr. 15 – 16, SGK). GV tiếp tục định hướng nhận thức của HS như phương án thứ nhất nêu trên.

Hoạt động 2. Lí giải vì sao cần phải học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời

a) Năng lực cần hình thành

HS giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

⇒ Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Nội dung chính

- Sự cần thiết học lịch sử suốt đời: xuất phát từ tầm quan trọng của tri thức lịch sử với cuộc sống, nhất là trong thời đại ngày nay (liên quan đến cơ hội nghề nghiệp, giữ gìn bản sắc văn hoá, truyền thống dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng).

- Một số cách để học tập lịch sử suốt đời và học lịch sử ở khắp mọi nơi.

c) Giới thiệu về tư liệu, kênh hình cần khai thác

- Hình 4. Lễ hội truyền thống ở Ta-lin cho thấy tri thức lịch sử truyền thống, di sản văn hoá (lễ hội,...) trở thành chất liệu, nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển của ngành du lịch – một ngành thuộc công nghiệp văn hoá.

d) Gợi ý tổ chức thực hiện

- Hoạt động này không nên thiên về tính học thuật, cung cấp thêm nhiều tri thức, mà nên hướng tới khai thác những hiểu biết, trải nghiệm, mong muốn của HS về một môi trường học tập lịch sử hiệu quả, tạo hứng thú và thiết thực. Vậy nên, trong cách thức tổ chức các hoạt động học tập ở hoạt động này, GV có thể lựa chọn những cách thức mà chính GV thấy hiệu quả nhất với chủ đề được nêu ra: *Vì sao đặt ra yêu cầu về việc học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời? Học lịch sử suốt đời bằng cách nào?*

- GV định hướng HS có thể liên hệ với kiến thức đã được hình thành thông qua hoạt động 1 về vai trò của tri thức lịch sử đối với cuộc sống, tiếp tục khai thác những nội dung trong mục 2 (tr. 17 – 18, SGK), cùng thảo luận để có được những luận giải của mình, hoặc chuẩn bị những nội dung để tổ chức buổi toạ đàm với chủ đề nêu trên, phù hợp với điều kiện trường, lớp, đối tượng HS.

Định hướng tham khảo:

- *Vì sao đặt ra yêu cầu về việc học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời?*

Thứ nhất, học tập, tìm hiểu lịch sử là nhu cầu thường trực suốt cuộc đời của mỗi người, bởi lẽ trong cuộc sống hàng ngày luôn cần phải biết vận dụng những tri thức, kinh nghiệm từ quá khứ vào cuộc sống hiện tại, cũng như định hướng cho tương lai (GV khuyến khích HS lấy ví dụ).



Thứ hai, cho đến nay, nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn còn là bí ẩn. Chính việc tồn tại những bí ẩn trong nghiên cứu lịch sử chính là cơ hội thôi thúc những người đi sau tham gia tìm tòi, khám phá nhằm hoàn chỉnh hơn nhận thức chung, làm giàu tri thức lịch sử.

GV có thể dẫn một số ví dụ: về các Kim tự tháp ở Ai Cập cổ đại, về cuộc hành quân thần tốc của Hoàng đế Quang Trung và nghĩa quân Tây Sơn vào đầu năm 1789, về những trận địa bãi cọc trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử,... GV có thể tổ chức cho HS thể hiện các dữ kiện đó thông qua những vở kịch ngắn để tăng tính sinh động, gây hứng thú, kích thích HS trong nhận thức, đồng thời góp phần phát triển những kĩ năng, sự sáng tạo của HS trong học tập lịch sử.

Thứ ba, để chuẩn bị hành trang cho một công dân sống trong kỉ nguyên toàn cầu hoá, việc trang bị những tri thức lịch sử – văn hoá – văn minh của nhân loại, cũng như của dân tộc,... sẽ giúp cho việc hội nhập thành công, trên cơ sở biết cách tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về truyền thống và văn hoá của các dân tộc, vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hoá của nhân loại, vừa biết cách tôn vinh, bảo tồn, phát huy giá trị tốt đẹp và bản sắc văn hoá Việt Nam.

Thứ tư, ngày nay, tri thức lịch sử và văn hoá chính là nguồn cảm hứng và tạo ý tưởng cho nhiều sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hoá, phát triển du lịch,... Học tập và tìm hiểu lịch sử cũng đưa lại cho chúng ta những cơ hội nghề nghiệp mới đầy thú vị.

Khai thác Hình 4 trong SGK và nhiều ví dụ tương tự khác để minh chứng cho vai trò của lịch sử đối với một số ngành nghề hiện nay. Để tăng tính liên hệ thực tiễn, GV yêu cầu HS: *Kể tên một số bộ phim, chương trình truyền hình,... ở Việt Nam sử dụng chất liệu là tri thức lịch sử và văn hoá mà em biết*. Dựa vào những trải nghiệm thực tế của bản thân, HS hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu này.

– GV gợi mở cho HS về một số cách thức học tập để tìm hiểu lịch sử suốt đời là tìm hiểu lịch sử ở khắp nơi để việc học tập lịch sử trở nên gần gũi, thú vị và hữu ích.

– GV có thể tạo điều kiện cho HS để xuất về hình thức học tập lịch sử khiến các em hứng thú và đạt hiệu quả cao nhất. Đó cũng là cơ hội để GV thu được những thông tin phản hồi rất hữu ích từ HS về mong muốn một môi trường học tập lịch sử hiệu quả.

C. LUYỆN TẬP

Tri thức lịch sử có ý nghĩa và vai trò như thế nào đối với cuộc sống? Hãy nêu một số ví dụ.

a) Năng lực cần hình thành

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có vào việc giải quyết một số tình huống/bài tập nhận thức, thông qua đó góp phần củng cố năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

HS thực hiện yêu cầu luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng này ngay trong giờ học trên lớp. GV gợi ý HS nêu thêm một số ví dụ để tiếp tục phân tích, củng cố những vấn đề đã học.

Yêu cầu cần đạt: HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện yêu cầu/bài tập; cù đại diện thuyết trình kết quả trước lớp/nộp bài làm ra giấy.

D. VẬN DỤNG

Có quan điểm cho rằng: Học tập lịch sử chỉ diễn ra ở trong các lớp học và khi chúng ta còn là HS, sinh viên. Theo em, quan điểm đó đúng hay sai? Vì sao?

a) Năng lực cần hình thành

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được hình thành để giải quyết một tình huống giả định trong thực tiễn, góp phần hình thành năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề nhận thức mới, hay liên quan đến thực tiễn.

b) Gợi ý tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân; định hướng HS: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nêu quan điểm của mình. GV cần tôn trọng quan điểm riêng của HS. Điều quan trọng là khi HS lựa chọn theo phương án nào thì cần để xuất rõ căn cứ, lý do cụ thể, có lập luận để bảo vệ cho quan điểm của mình.

Yêu cầu cần đạt: HS tạo ra một sản phẩm – bài tranh luận thể hiện rõ quan điểm cá nhân với lập luận chặt chẽ, thuyết phục.



CÁC NỘI DUNG KHÁC

I GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10

1.1. Cấu trúc sách

Chuyên đề học tập Lịch sử 10 cung cấp những kiến thức, kỹ năng lịch sử nhằm phân hoá sâu đối với những học sinh có định hướng chọn ngành nghề liên quan đến kiến thức lịch sử, đáp ứng được yêu cầu định hướng nghề nghiệp của HS.

Ngoài lời nói đầu; mục lục; hướng dẫn sử dụng sách; bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ; nội dung chính của sách gồm ba chuyên đề:

Chuyên đề 1. Các lĩnh vực của Sử học (10 tiết)

Chuyên đề 2. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam (15 tiết)

Chuyên đề 3. Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử (10 tiết)

Mỗi chuyên đề học tập cũng được tổ chức thành bốn hoạt động tương tự cấu trúc bài học trong SGK *Lịch sử 10*, gồm: mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

1.2. Hướng dẫn sử dụng sách

Chuyên đề học tập Lịch sử 10 được thiết kế theo hướng GV là người hướng dẫn, tổ chức,... các hoạt động học tập. HS đóng vai trò trung tâm của các hoạt động đó với việc tích cực, chủ động trao đổi, tương tác với các bạn và GV để hình thành, củng cố kiến thức, kỹ năng. Ở mức độ cao hơn, các em có thể liên hệ, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học đó vào trong thực tiễn cuộc sống.

- Chuyên đề 1 *Các lĩnh vực của Sử học* nêu một số cách trình bày lịch sử truyền thống cũng như phạm vi, đối tượng, nội dung cơ bản của thông sử. Đặc biệt, nêu nội dung cơ bản của một số lĩnh vực trong lịch sử Việt Nam, gồm: Lịch sử văn hoá, Lịch sử tư tưởng, Lịch sử xã hội, Lịch sử kinh tế. Đây là những nội dung lần đầu tiên được đưa vào chương trình giảng dạy phổ thông, giúp trang bị cho HS những vấn đề mang tính lí luận và thực tiễn cơ bản của sử học.
- Chuyên đề 2 *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam* trình bày những vấn đề liên quan đến di sản văn hoá ở Việt Nam như vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị; giới thiệu những nét cơ bản về các loại di sản của Việt Nam. Chuyên đề không chỉ giúp HS trang bị những kiến thức cơ bản liên quan đến di sản văn hoá mà tạo cơ hội cho HS được tham quan, trải nghiệm thực tế di sản, giúp các em kết nối tri thức được học trong sách vở vào thực tế cuộc sống.
- Chuyên đề 3 *Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử* trình bày những vấn đề như: mô hình nhà nước quân chủ, một số bộ luật tiêu biểu thời của Việt Nam thời

phong kiến; các vấn đề liên quan đến nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; một số bản hiến pháp của Việt Nam. Tuy là chuyên đề mới nhưng thực chất, nhiều nội dung của chuyên đề đã được trình bày trong các mục của SGK *Lịch sử 10*.

Như vậy, *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* có sự tiếp nối, liên kết chặt chẽ với SGK Lịch sử ở các lớp trước và SGK *Lịch sử 10*, qua đó, đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu hơn kiến thức trong SGK Lịch sử 10, phù hợp với những HS có định hướng lựa chọn ngành nghề có liên quan đến môn Lịch sử sau khi học xong cấp THPT cũng như khả năng vận dụng kiến thức lịch sử – văn hoá để giải quyết các vấn đề của cuộc sống hằng ngày.

1.3. Gợi ý kế hoạch dạy học

- Tổng số tiết của ba chuyên đề là 35 tiết, trong đó chuyên đề *Các lĩnh vực của Sử học và Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử* được bố trí trong 10 tiết dạy, chuyên đề *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam* được bố trí trong 15 tiết.
- Tuỳ thực tế, nhà trường linh hoạt lựa chọn thời điểm dạy học trong năm để dạy các chuyên đề. Về chuyên môn, để đảm bảo tính lô-gích và hiệu quả, cần lưu ý:
 - + Chuyên đề *Các lĩnh vực của Sử học* nên dạy sau Chủ đề 1 và 2 trong SGK *Lịch sử 10*.
 - + Chuyên đề *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam* có thể bố trí vào khung thời gian phù hợp để có thể tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm di sản.
 - + Chuyên đề *Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử* có thể dạy sau Chủ đề *Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam* trong SGK *Lịch sử 10* vì giữa chuyên đề và chủ đề này có một số nội dung tương đồng nhau.

II GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

2.1. Cấu trúc

SGV được biên soạn gồm hai phần: Phần một. Hướng dẫn chung và Phần hai. Hướng dẫn dạy các chủ đề cụ thể. Phần một đề cập đến các nội dung như: Mục tiêu môn học, giới thiệu SGK Lịch sử 10; phương pháp và hình thức sách, đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử. Phần hai hướng dẫn dạy học các chủ đề cụ thể, được sắp xếp theo đúng trình tự trong SGK.

2.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Những gợi ý cách thức tổ chức hoạt động dạy – học chủ yếu trong SGV chỉ là gợi ý cho GV có cơ sở, kinh tham khảo về cách thức tổ chức hoạt động dạy – học. GV có thể linh hoạt thay đổi các cách thức, phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với điều kiện dạy – học ở địa phương, của lớp học.

Trong SGV cũng có hệ thống các tư liệu tham khảo, cung cấp thêm thông tin giúp GV có thêm thông tin, mở rộng kiến thức cho HS.

III GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO

3.1. Cấu trúc sách bổ trợ, sách tham khảo

Để giúp GV và HS có thêm tài liệu học tập và ôn luyện, rèn luyện các kỹ năng, kiến thức môn Lịch sử qua từng bài học, từng tuần, chúng tôi biên soạn sách bổ trợ và tham khảo *Bài tập Lịch sử 10*.

Bài tập trong các cuốn sách này giúp HS lớp 10 thực hiện các hoạt động học tập độc lập và đa dạng; rèn luyện cho HS các kỹ năng học tập, thực hành, củng cố và khắc sâu kiến thức đồng thời hình thành và phát triển năng lực môn học.

Về nội dung, các cuốn sách này được biên soạn theo nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở lớp 10 của CTGDPT môn Lịch sử (ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 – 12 – 2018). Về cấu trúc, các cuốn sách trên được biên soạn theo thứ tự từng chủ đề. Ngoài hệ thống các câu hỏi, bài tập được biên soạn theo các mức độ nhận thức, sách còn cung cấp một số đề kiểm tra, đánh giá định kì. Về hình thức, bài tập trong các cuốn sách gồm nhiều dạng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

3.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo hỗ trợ trong dạy học

Sách bổ trợ và tham khảo hỗ trợ GV và HS trong việc dạy, học môn Lịch sử. Với bộ sách này, HS sẽ được luyện tập những kiến thức cơ bản của bài học, được tư duy ở mức độ rộng hơn, đặc biệt được vận dụng kiến thức của bài học vào thực tế. Với GV, thay vì phải tra cứu tài liệu để mở rộng kiến thức cho HS, GV có thể sử dụng các bài tập có sẵn trong bộ sách để rèn luyện kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực cho HS.

Bộ tài liệu còn tạo điều kiện cho phụ huynh giúp con em mình củng cố những kiến thức cốt lõi làm hành trang cho cuộc sống của các em ở hiện tại cũng như tương lai.

Khi dạy học SGK *Lịch sử 10*, GV có thể sử dụng bộ thiết bị dạy học theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10 tại Thông tư 39/021/TT-BGDĐT ngày 30 – 12 – 2021.

Tóm lại, sách bổ trợ và các tài liệu tham khảo có tác dụng hỗ trợ GV và HS trong việc dạy, học môn Lịch sử, giúp củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng học tập cũng như phát triển năng lực môn học.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: LƯU HOA SƠN

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: hanhtrangso.nxbgd.vn

– Tập huấn online: taphuan.nxbgd.vn

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

MÔN LỊCH SỬ LỚP 10

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRÍ THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mã số ISBN: 978-604-0-.....

SÁCH KHÔNG BÁN